TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109a/2021/DS-PT
Ngày: 26/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**
Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Minh Hoàng**
Ông **Trương Chí Anh**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn T Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên ttòa: Bà **Trần Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 511/2020/DSPT ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 513/QĐXX-PT ngày 11 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 657/QĐHPT-PT ngày 24/12/2020, thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 82/2021/TB-TA ngày 22/2/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn N C, sinh năm 1962 (Có mặt);
Bà Quách T H, sinh năm 1967 (Có mặt)

Đều trú tại: Số 8 ngõ 98B ngách 53 phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn T L, sinh năm 1956 (Có mặt);
Ông Phan Q Đ, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Số 40 tổ dân phố 9, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Ông Phan Q Đ ủy quyền cho Ông Lê V T, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Trú tại phường Xuân Khanh thị xã Sơn Tây TP Hà Nội theo giấy ủy quyền số 2647 ngày 29 tháng 09 năm 2020.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn T K T, luật sư Phạm V H, luật sư Tống C C – Văn phòng luật sư Nguyễn T, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Luật sư T, luật sư H có mặt, vắng mặt luật sư C).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hợp tác xã X, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn T L - Chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Bà Nguyễn T L ủy quyền cho: Bà Lê T S – Chức vụ thành viên Hợp tác xã X, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội theo giấy ủy quyền số 02 ngày 14 tháng 09 năm 2020; (Bà Soạn có mặt).

Trú tại Tổ dân phố 3, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn N C và bà Quách T H trình bày:

Vợ chồng ông bà có quen biết bà Nguyễn T L và Ông Phan Q Đ từ năm 2010 đến năm 2011, bà Nguyễn T L – ông Phan Q Đ có vay tiền của vợ chồng ông bà làm nhiều đợt. Mỗi lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền và trả lãi suất theo thỏa thuận từng tháng như ngân hàng. Đến ngày 01/11/2011 vợ chồng ông Chính, bà Hải thấy khoản tiền bà Lan - ông Đại vay nhiều đợt vẫn chưa trả nên đã mời vợ chồng bà Lan- ông Đại sang để chốt nợ. Tổng cộng số tiền bà Lan - ông Đại vay chưa thanh toán cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mươi mốt triệu ,năm trăm chín ba ngàn đồng)*. Trong đó số tiền gốc là 9.000.000.000 đồng *(Chín tỷ đồng chẵn)* và lãi là 291.593.000 đồng (*Hai trăm chín mốt triệu, năm trăm chín ba ngàn đồng)*. Sau khi chốt nợ số tiền, hai bên đã thống nhất ký vào giấy biên nhận vay và cho vay, hẹn đến ngày 01/12/2011 vợ chồng bà Lan, ông Đại thanh toán số tiền trên. Các giấy vay tiền cũ bà Lan đã thu lại. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng bà Lan - ông Đại khất lần không trả, gây thiệt hại kinh tế cho gia đình ông Chính, bà Hải. Nay vợ chồng ông Chính, bà Hải đề nghị tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bà Lan - ông Đại phải trả số tiền đã vay gia đình ông bà.

Bị đơn bà Nguyễn T L trình bày:

Bà Lan và Ông Chính, bà Hải là người cùng phường nên có quen biết nhau. Bà Lan là chủ nhiệm hợp tác xã chăn nuôi và dịch vụ Xuân Khanh. Khoảng cuối tháng 5/2010, hợp tác xã cần nguồn vốn để thực hiện công việc nên đã tiến hành huy động vốn. Hợp tác xã đã tổ chức 03 cuộc họp để thống nhất chủ trương tìm nguồn vốn trong đó đi vay từ nhiều nguồn khác nhau. Là người lãnh đạo hợp tác xã, bà Lan có trách nhiệm cao nhất trong việc điều hành, duy trì sự phát triển của hợp tác xã. Qua tìm hiểu, bà Lan được biết gia đình nhà ông Chính, bà Hải có tiền cho vay trả lãi. Lãnh đạo hợp tác xã đã có 01 cuộc

họp thống nhất đến nhà ông Nguyễn N C để vay tiền. Bà Lan đã thay mặt hợp tác xã đến gặp nhà ông Chính, bà Hải để thỏa thuận vay tiền thực hiện công việc của hợp tác xã. Tùy thuộc vào yêu cầu của công việc mà có lúc hợp tác xã vay nhiều và có lúc vay ít để tiết kiệm và giảm tiền lãi. Nếu vay ít thì không phải thế chấp, vay nhiều thì ban quản lý hợp tác xã phải đứng ra ký. Do vay cho hợp tác xã nên số tiền đều được chuyển về quỹ hợp tác xã, điều này được thể hiện tại sổ kế toán. Hợp tác xã không chỉ vay của ông Chính, bà Hải mà còn vay của nhiều cá nhân, tổ chức khác nhưng đa số đã thanh toán hết. Số tiền vay nhà ông Chính, bà Hải có các lần vay được thể hiện như sau: Lần 1 ngày 27/05/2010 vay 10.000.000 đồng; Lần 2 ngày 04/06/2010 vay 20.000.000 đồng; Lần 3 ngày 14/06/2010 vay 60.000.000 đồng; Lần 4 ngày 22/06/2010 vay 30.000.000 đồng; Lần 5 ngày 26/06/2010 vay 1.260.000.000 đồng; Lần 6 ngày 10/07/2010 vay 40.000.000 đồng; Lần 7 ngày 06/08/2010 vay 120.000.000 đồng; Lần 8 ngày 21/08/2010 vay 30.000.000 đồng; Lần 9 ngày 29/08/2010 vay 30.000.000 đồng; Lần 10 ngày 10/10/2010 vay 30.000.000 đồng; Lần 11 ngày 01/12/2010 vay 220.000.000 đồng và 90.000.000 đồng (chuyển sang giấy 130.000.000 đồng); Lần 12 ngày 01/01/2011 vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 1.720.000.000 đồng (Một tỷ ,bảy trăm hai mươi triệu đồng). Hợp tác xã đã tiến hành trả nợ cho nhà ông Chính, bà Hải được 6 lần (có giấy biên nhận tiền của ông bà Chính Hải) như sau: Lần 1 ngày 01/03/2011 trả 30.000.000 đồng; Lần 2 ngày 03/03/2011 trả 50.000.000 đồng; Lần 3 ngày 08/03/2011 trả 800.000.000 đồng; Lần 4 ngày 13/05/2011 trả 100.000.000 đồng; Lần 5 ngày 12/9/2011 trả 200.000.000 đồng; lần 6 ngày 30/10/2011 trả 15.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 1.195.000.000 đồng *(Một tỷ, một trăm chín lăm triệu đồng)*. Như vậy số tiền gốc còn lại là 525.000.000 triệu đồng *(Năm trăm hai lăm triệu đồng)*. Tất cả số tiền vay đều được sử dụng vào công việc của hợp tác xã. Ngày 01/11/2011 vợ chồng ông bà Chính Hải cùng con trai đến trụ sở của hợp tác xã ép bà Lan viết và ký vào Giấy biên nhận vay và cho vay tiền với số tiền là 9.291.539.000 đồng. Lúc đầu bà Lan không đồng ý ký nhưng do bị ép buộc, đe dọa và đang có việc phải đi gấp nên bà ký cho xong. Việc bà ký có rất nhiều người chứng kiến. Quan hệ vay mượn trên là quan hệ giữa hợp tác xã và nhà ông bà Chính, Hải, không liên quan gì đến quan hệ giữa bà hay gia đình bà với ông bà Chính, Hải. Do nhà ông bà Chính Hải tính lãi suất quá cao, có khoản 15%/tháng, có khoản 9%/tháng, cách tính này là vi phạm pháp luật.

Bị đơn ông Phan Q Đ trình bày:

Mặc dù giữa ông và bà Nguyễn T L có quan hệ vợ chồng, bà Lan là chủ nhiệm hợp tác xã nhưng ông Đại và hợp tác xã không có bất kỳ quan hệ nào, ông không là thành viên của hợp tác xã, không được biết về các hoạt động của hợp tác xã. Từ trước đến nay ông không hề có bất kỳ có thỏa thuận hay trao đổi nào với nhà ông bà Chính ,Hải về vay mượn tiền. Việc hợp tác xã có vay mượn nhà ông bà Chính ,Hải hay không ông không được biết. Ngày 01/11/2011 ông đưa vợ ra hợp tác xã. Khi đó ông bà Chính ,Hải yêu cầu ông ký vào

một tờ giấy và nói ông chỉ làm chứng, không phải người vay tiền nên ông Đại đã ký. Việc bà Lan vay mượn từ trước đến nay có hay không ông Đại chưa bao giờ tham gia, ông cũng chưa bao giờ đến nhà ông bà Chính, Hải để vay tiền. Nay việc gia đình ông bà Chính, Hải đòi tiền không liên quan gì đến ông.Ông Lê V T người được ông Đại ủy quyền trình bày ông là người được ông Đại ủy quyền tại phiên tòa ông Phan Q Đ không phải là thành viên của hợp tác xã Xuân Khanh thị xã Sơn Tây ông Đại ký vào giấy chỉ là người làm chứng chứ không phải là vay tiền của ông Chính bà Hải còn hợp tác xã chỉ vay của ông Chính bà Hải số tiền 1.720.000.000 đồng Hợp tác xã đã trả được còn nợ ông Chính bà Hải 525.000.000 đồng. Ngoài ra không nợ ông Chính bà Hải số tiền nào khác.

Đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã chăn nuôi Xuân Khanh bà Lê T S trình bày:

Bà Nguyễn T L là chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã Xuân Khanh nay bà Lan ủy quyền cho bà trong vụ án ông Nguyễn N C khởi kiện bà Nguyễn T L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản bà khẳng định tiền hợp tác xã vay của ông Chính bà Hải chứ không phải là tiền bà Lan vay riêng cá nhân của vợ chồng ông Chính bà Hải. Số tiền Hợp tác xã vay của ông Chính, bà Hải là 1.720.000.000 đồng Hợp tác xã đã trả được một phần, nay còn nợ ông Chính, bà Hải 525.000.000 đồng.

Vụ án đã được xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp cụ thể như sau:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/DSST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây quyết định: Buộc vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn N C, Quách T H số tiền 9.291.593.000 đồng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 04/2014/DSPT ngày 06/1/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/DSST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây: Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của vợ chồng anh Nguyễn N C, chị Quách T H đối với vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phạm Quang Đại. Buộc vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phạm Quang Đại phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn N C, chị Quách T H số tiền 9.291.593.000 đồng.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 68/2016/DS-GĐT ngày 28/9/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 04/2014/DSPT ngày 06/1/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/DSST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án số 12/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xác nhận bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ còn nợ ông Nguyễn N C, bà Quách T H tổng số tiền cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu ,năm*

trăm chín ba đồng), trong đó có 9.000.000.000 đồng tiền gốc và 291.593.000 đồng tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ phải trả vợ chồng ông Nguyễn N C, bà Quách T H tổng số tiền cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu, năm trăm chín ba đồng)*.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm của bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ - Là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai như đã trình bày tại Tòa án.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật vì các lý do:

1. Bà Lan, ông Đại khẳng định bị vợ chồng và con trai ông Hải ép ký "Giấy biên nhận vay và cho vay tiền" ngày 01/11/2011 tại Trụ sở Hợp tác xã có người làm chứng là Bà Lê T S, bà Lê Thị Phê, bà Nguyễn Thị Hà, bà Lê Thị Thúy, những người này đã xác nhận sự việc tại "Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho Hợp tác xã vay đến ngày 01/11/2011"

2. Bà Lan thay mặt cho Hợp tác xã vay vợ chồng ông Chính, bà Hải để phục vụ dự án của Hợp tác xã theo chủ trương của ban quản trị hợp tác xã trong các ngày 02/12/2009, 20/1/2010 và 02/5/2010. Toàn bộ khoản tiền vay được chuyển vào quỹ của hợp tác xã thể hiện tại sổ kế toán và việc sử dụng toàn bộ khoản tiền vay thể hiện tại sổ chi tiêu tiền mặt, sổ nhật ký chi tiêu của Hợp tác xã.

3. Số với 1.720.000 mà bà Lan đứng ra vay vợ chồng ông Chính bà Hải cho Hợp tác xã trong 12 lần, cụ thể từng lần bà đã trình bày rõ và số tiền này bà đã trả 06 lần cho ông Chính với số tiền là 1.195.000.000 đồng, ông Chính là người ký nhận số tiền, số tiền hợp tác xã còn nợ là 525.000.000 đồng. Ông Đại chồng bà là người bị ép ký giấy chốt nợ ngày 01/1/2011 không hề liên quan đến số tiền này.

4. Tại bản tổng hợp ông Chính cho Hợp tác xã vay đến ngày 01/11/2011 do ông Chính tính toán với tổng số tiền cả gốc và lãi 9.291.539.000 đồng cho thấy trong số 1.720.000.000 đồng tiền vay gốc thì số tiền 1.260.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền gốc vay từ 26/6/2010 đến ngày 01/111/2011 phải chịu lãi suất 15%/tháng và số tiền gốc 370.000.000 đồng vay từ ngày 27/5/2010 đế ngày 30/10/2011 phải chịu lãi suất 9%/ tháng. Do đó tổng số tiền gốc vay chỉ là 1.720.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 8.766.539.000 đồng, tổng cộng là 10.486.539.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả 1.195.000.000 đồng, còn lại là 9.291.539.000 đồng và đây chính là số tiền mà vợ

chồng ông Chính, bà Hải ép ông bà phải ký Giấy biên nhận vay tiền và cho vay tiền vào ngày 01/11/2011 nhưng giấy vay tiền ghi ngày 11/1/2011. Đây là lãi suất mà ông Chính, bà Hải tự áp đặt trái với quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo của bà Lan, ông Đại về việc Tòa án sơ thẩm không thu thập lời khai của người làm chứng là bà Lê T S, Lê Thị Phê, Nguyễn Thị Hà, Lê Thị Thúy là những người xác nhận sự việc tại "*Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho HTX vay đến ngày 1/11/2011*" để làm rõ bản chất sự việc ông bà bị ép kí "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" trên, nhận thấy:

Bà Soạn là người được bà Lan ủy quyền đại diện HTX tham gia phiên tòa đã có lời khai Số tiền ông Chính đòi là tiền của HTX vay không liên quan đến gia đình bà Lan ông Đại. Sáng 01/11/2011, tại văn phòng HTX ông Chính đã tính tổng số tiền gốc và lãi mà HTX phải trả là 9.291.593.000đ và ép bà Lan, ông Đại kí, khoản vay của ông Chính là có chủ trương của HTX.

HTX cũng gửi Tòa án ý kiến của chị Lê Thị Thúy: Chị từng là kế toán của HTX từ tháng 8/2010 đến tháng 12/2011. Vào một buổi sáng đầu tháng 11/2011, chị có thấy vợ chồng ông Chính, Hải vào HTX gặp vợ chồng ông bà Lan, Đại. Một lúc sau con trai ông Chính mang máy tính xách tay vào làm việc tại trụ sở HTX tính toán tiền nợ giữa vợ chồng ông Chính và bà Lan, xong bắt kí giấy nợ tại trụ sở HTX.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 ngày 6/1/2014, bà Soạn, bà Phê, bà Hà đều có mặt tại phiên tòa và Bà Soạn khai 7h sáng ngày 01/11/2011, vợ chồng và con ông Chính đến trụ sở HTX. Bố con ông Chính ép bà Lan, ông Đại kí vào giấy vay nợ, bà đứng ngoài cửa thấy nhưng không báo chính quyền. Hôm đó bà không nhìn thấy "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*", sau này bà Lan đưa cho bà xem.

Bà Phê và bà Hà đều khai các bà không được đọc giấy vay, chỉ thấy các bên đôi co về nợ và kí giấy vay nợ, các bà không tận mắt thấy bà Lan kí giấy vay nợ.

Nhận thấy, các nhân chứng đều đã có lời khai trong hồ sơ và đều khẳng định vợ chồng ông Chính và bà Lan có đôi co về việc vay nợ và có kí vào giấy vay nợ. Tuy

nhiên nếu xác định vợ chồng bà Lan bị uy hiếp, ép kí "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" tại trụ sở HTX thì việc vợ chồng bà Lan hay các nhân chứng có mặt ở đó không báo công an hay chính quyền địa phương đến lập biên bản sự việc là không có căn cứ chứng minh. Các nhân chứng thì đều không tận mắt nhìn thấy bà Lan kí vào "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" ngày 1/11/2011. Do vậy không có căn cứ xác định vợ chồng bà Lan, ông Đại bị ép kí vào "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" ngày 1/11/2011.

- Bà Lan, ông Đại kháng cáo nội dung Đối với số tiền 1.720.000.000đ bà đứng ra vay của ông Chính bà Hải cho HTX trong 12 lần, đã trả 6 lần 1.195.000.000đ và còn nợ 525.000.000đ nhưng bản sơ thẩm xác định từ 2010, bà vay của vợ chồng ông Chính nhiều lần và buộc vợ chồng bà phải trả 9.291.593.000đ là vô lý.Bà là đại diện HTX vay vợ chồng ông Chính để phục vụ dự án của HTX theo chủ trương của ban quản trị HTX hợp các ngày 2/12/2009, 20/1/2010, 2/5/2010. Toàn bộ tiền vay đều được chuyển vào quỹ của HTX, nhận thấy: Vào các ngày 2/12/2009, 20/1/2010, 2/5/2010 BQT HTX có họp để thống nhất vay tiền để thực hiện dự án của HTX, trong đó có thống nhất vay tiền của vợ chồng ông Chính (không ghi vay cụ thể số tiền). Thực tế HTX có vay tiền của ông Chính, tuy nhiên ông Chính xác định HTX đã trả ông tiền và ông không kiện đòi HTX, số tiền ông đòi vợ chồng bà Lan là số tiền khác không phải là số tiền ông cho HTX vay, đây là số tiền cộng của nhiều lần vay trước, những giấy vay tiền đó ông đã đưa hết cho bà Lan. Xét "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" ngày 1/11/2011 có nội dung: "*Tại nhà ông bà Chính, Hải. Tên tôi là Nguyên Thị Lan… có vay của ông Chính Hải số tiền 9.291.593.000đ (cả gốc và lãi) thời hạn từ 1/11/2011-1/12/2011. Lãi suất theo qui định của Ngân hàng Nhà nước. Nếu đên hạn thanh toán tôi không thanh toán cho ông bà Chính Hải số tiền đã vay thì tôi tự nguyện để ông bà Chính Hải được sử dụng biện pháp tịch thu và thanh lý tài sản của tôi để thu hồi vốn gồm tiền gốc và tiền lãi…Khi tôi tham gia kí hợp đồng này, tôi ở trạng thái hoàn toàn bình thường, minh mẫn, đảm bảo hành vi, năng lực*". Hợp đồng có chữ kí của bên cho vay là ông Chính, bà Hải và bên vay là vợ chồng bà Lan, ông Đại. Thấy nội dung "*Giấy biên nhận vay và cho vay tiền*" thể hiện rõ cá nhân vợ chồng bà Lan, ông Đại vay tiền của vợ chồng ông Chính, bà Hải, không có chứng cứ liên quan đến HTX Xuân Khanh. Bà Lan có cung cấp sổ chi tiêu tiền mặt năm 2010 và sổ nhật kí chi tiêu trong đó có 1 số khoản vay của vợ chồng ông Chính Hải để chứng minh nhưng bản thân bà Lan cũngthừa nhận nhiều khoản ghi vay của vợ chồng Chính Hải nhưng thực tế không đúng và không khớp với khoản tiền 1.720.000.000 theo bà Lan là vay của ông Chính Hải, do đó sổ trên cũng không giá trị pháp lý. Tại cấp sơ thẩm lần 2, HTX Xuân Khanh có bổ sung Biên bản họp BQT mở rộng ngày 9/1/2014 và Biên bản họp BQT mở rộng ngày 21/9/2020, nội nội dung: Xác định có vay ông Chính Hải 12 lần tiền tổng 1.720.000.000đ, đã trả 6 lần 1.195.000.000đ, còn nợ gốc 525.000.000đ. Tuy nhiên HTX không có tài liệu thể hiện sự liên quan giữa khoản HTX vay và khoản ông Chính đòi nợ bà Lan ông Đại, đó là hai khoản tiền hoàn toàn

khác nhau. Vì vậy cấp sơ thẩm xác định vợ chồng bà Lan ông Đại còn nợ vợ chồng ông Chính bà Hải số tiền 9.291.593.000đ là có căn cứ.

- Bà Lan, ông Đại kháng cáo nội dung Tại bản tổng hợp do ông Chính tính toán với tổng số tiền cả gốc và lãi 9.291.593.000đ cho thấy có khoản nợ gốc phải chịu lãi suất 15%/tháng và có khoản phải chịu lãi suất 9%/tháng. Đây là mức lãi suất cao, trái qui định của pháp luật, nhận thấy: Ông Chính xác định"*Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho HTX vay đến ngày 1/11/2011*" do bà Lan nộp không phải do ông tính, ông Chính cũng không kí vào bản tổng hợp này, do đó không có căn cứ xác định ông Chính tĩnh lãi cao như kháng cáo của bà Lan, ông Đại.

Tuy nhiên việc Tòa án xác địnhbà Lan, ông Đại còn nợ ông Chính, bà Hải tổng số tiền cả gốc và lãi 9.291.593.000đ, trong đó 9tỷ tiền gốc và 291.593.000đ là chưa có căn cứ vì: Ông Chính khai trong số 9.291.593.000đ có 9 tỷ là nợ gốc và 291.593.000đ là nợ lãi, ông không tính lại cụ thể được vì ông nhớ rõ cho vợ chồng bà Lan ông Đại vay bao nhiêu lần, những giấy vay nợ trước ông đã đưa hết cho bà Lan, vì vậy lời khai của ông Chính về số nợ gốc và lãi là không có căn cứ. Bà Lan thì khẳng định trong 9.291.593.000đ có 1.720.000.000 là tiền gốc còn 8.766.539.000đ là tiền lãi và xuất trình"*Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho HTX vay đến ngày 1/11/2011*". Tuy nhiên ông Chính không thừa nhận bản tổng hợp này nên không có căn cứ xác định số tiền gốc và lãi như lời khai của bà Lan. Do đó cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX :

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa cách tuyên của bản án sơ thẩm số **số** 12/2020/DSST ngày 29/9/2020 của TAND thị xã Sơn Tây: Buộc bà Lan, ông Hải phải trả vợ chồng ông Chính, bà Hải tổng số tiền cả gốc và lãi 9.291.593.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. ***Về tố tụng:***

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Ông Phan Q Đ được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, tại phiên tòa bà Lan cũng thừa nhận bà là người nhận tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa của tòa án và giao lại cho ông Đại nhưng ông Đại không liên quan đến việc vay nợ nên ông và đại diện theo ủy quyền của ông không tham gia phiên tòa, căn cứ vào khoản 3, điều 296 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phan Q Đ.

[**2**]. ***Về nội dung:***

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: từ năm 2010, vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn N C, bà Quách

T H. Ngày 01/11/2011 vợ chồng ông Chính, bà Hải đã gặp vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ để chốt nợ, ký vào "giấy biên nhận vay và cho vay tiền" số tiền nợ cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu ,năm trăm chín ba đồng)*. Hai bên tiếp tục thỏa thuận đến ngày 01/12/2011, vợ chồng bà Lan phải có trách nhiệm trả hết số tiền trên cho vợ chồng ông Chính, bà Hải, trả theo mức lãi suất ngân hàng quy định.

Vợ chồng ông Chính, bà Hải khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ phải trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu ,năm trăm chín ba đồng)*. Còn về lãi suất từ ngày 01/11/2011 đến nay, vợ chồng ông Nguyễn N C, bà Quách T H không yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ phải trả.

Xét thấy "Giấy biên nhận vay và cho vay tiền" lập ngày 01/11/2011 có nội dung thể hiện rõ cá nhân vợ chồng bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn N C và bà Quách T H. Về hình thức, hợp đồng dân sự này là hợp pháp, phù hợp với điều 463 Bộ luật dân sự.

Vợ chồng bà Lan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chính, bà Hải và tại cấp phúc thẩm bà kháng cáo cho rằng bà Lan đại diện cho hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ Xuân Khanh đứng ra vay tiền của vợ chồng nhà ông Chính, bà Hải để sử dụng cho công việc của hợp tác xã, không vay số tiền trên dùng cho mục đích cá nhân. Số tiền bà Lan đại diện cho hợp tác xã vay là 1.720.000.000 đồng (*Một tỷ ,bảy trăm hai mươi triệu đồng*). Số tiền trên vay 12 lần và đã trả được 6 lần, hiện tại hợp tác xã chỉ còn nợ vợ chồng ông Chính, bà Hải là 525.000.000 đồng. Bà Lê T S – đại diện cho hợp tác xã cho rằng số tiền vợ chồng bà Lan vay của ông Chính bà khẳng định tiền hợp tác xã vay của ông Chính bà Hải chứ không phải là tiền bà Lan vay riêng cá nhân của vợ chồng ông Chính bà Hải, số tiền Hợp tác xã vay của ông Chính, bà Hải là 1.720.000.000 đồng. Hợp tác xã đã trả được một phần và còn nợ ông Chính bà Hải 525.000.000 đồng. Bà Nguyễn T L cung cấp cho Tòa án sổ chi tiêu tiền mặt năm 2010 và sổ nhật ký chi tiêu, nhưng tài liệu đó là do bà Lan cùng thành viên Hợp tác xã tự lập, không có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Chính, bà Hải nên không có giá trị pháp lý, ngoài ra bà Lan, ông Đại cũng như Hợp tác xã Xuân Khanh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà Lan đại diện cho hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ Xuân Khanh đứng ra vay tiền vợ chồng ông Nguyễn N C, bà Quách T H, không có tài liệu nào thể hiện sự liên quan giữa khoản vay của Hợp tác xã và khoản nợ ông Chính, bà Hải khởi kiện đòi vợ chồng bà Lan, ông Đại. Vợ chồng ông Nguyễn N C và bà Quách T H cũng khẳng định hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ Xuân Khanh không còn nợ tiền vợ chồng ông bà.

Do đó, hội đồng xét xử sơ thẩm xác định vợ chồng bà Lan, ông Đại con nợ vợ chồng ông Chính, bà Hải số tiền 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu ,năm trăm chín ba đồng)* là có căn cứ. Bà Lan kháng cáo cho rằng tổng số tiền gốc vay của ông Chính, bà Hải chỉ là 1.720.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 8.766.539.000 đồng,

tổng cộng là 10.486.539.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả 1.195.000.000 đồng, còn lại là 9.291.539.000 đồng và đây chính là số tiền mà vợ chồng ông Chính, bà Hải tuy nhiên bảng tính này cũng là do bà tự tính, không có sự xác nhận của ông Chính, bà Hải nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định. Ông Chính, bà Hải xác định số tiền nợ gốc là 9.000.000.000 đồng còn lại 291.593.000 đồng là tiền lãi, nhưng ông bà cũng không nhớ rõ cụ thể vì bà Lan, ông Đại vay ông nhiều lần và sau khi chốt nợ ông đã trả lại bà Lan toàn bộ giấy vay tiền trước đây. Tuy nhiên tại Giấy biên nhận vay và cho vay tiền bà Lan thừa nhận bà là người viết và ký vào giấy và ghi rõ số tiền vay là 9.291.593.000 bao gồm cả gốc và lãi nên cần buộc bà Lan, ông Đại có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Chính, bà Hải số tiền trên.

Đối với kháng cáo của bà Lan về việc bà bị ép ký vào Giấy biên nhận vay và cho vay tiền tại trụ sở Hợp tác xã dịch vụ Xuân Khanh, tuy nhiên trên Giấy vay tiền có ghi rõ tại nhà ông Chính, bà Hải, số nhà 4, tổ 34 Xuân Khanh – Sơn Tây – Hà Nội, bà Lan cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh mình bị ép ký vào Giấy biên nhận vay và cho vay tiền, tại phiên tòa bà cũng thừa nhận bà không có đơn khiếu nại, tố cáo với Cơ quan có thẩm quyền về việc vợ chồng bà bị ép vào Giấy biên nhận.

Đối với yêu cầu cấp phúc thẩm lấy lời khai của người làm chứng là Bà Lê T S, bà Lê Thị Phê, bà Nguyễn Thị Hà, bà Lê Thị Thúy, những người này đã xác nhận sự việc tại "Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho Hợp tác xã vay đến ngày 01/11/2011" để làm rõ việc bà Lan, ông Đại bị ép ký vào Giấy biên nhận vay và cho vay tiền, xét thấy những người này đã có lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tại Giấy biên nhận vay và cho vay tiền không có chữ ký làm chứng của những người có tên trên mà chỉ có chữ viết, chữ ký của vợ chồng bà Lan, ông Đại. Bà Soạn, bà Phên, bà Hà, bà Thúy xác nhận việc bà Lan, ông Đại bị ép ký vào giấy biên nhận tại "Bảng tổng hợp số tiền gốc và lãi ông Chính cho Hợp tác xã vay đến ngày 01/11/2011", tuy nhiên, các ông bà tự xác nhận, không có sự chứng kiến của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan công an chứng kiến việc xác nhận này nên không có giá trị pháp lý vì vậy không có căn cứ chứng minh bà Lan, ông Đại bị ép ký vào giấy biên nhận vay và cho vay tiền và các ông bà trên cũng không phải người làm chứng trong vụ án này.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xét xử là đúng có căn cứ pháp luật nên cần giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm, tuy nhiên ông Đại, bà Lan là đối tượng người cao tuổi nên được miễn

án phí dân sự theo quy định của Nghị Quyết số 326/ NQ - QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí vì vậy cần sửa nội dung bản án sơ thẩm về án phí và sửa lại về cách tuyên án.

Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, 473, 474, 476 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị Quyết số 326/ NQ - QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phan Q Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn T L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12 /2020/ DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây về án phí, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N C, bà Quách T H. Buộc bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ phải trả vợ chồng ông Nguyễn N C, bà Quách T H tổng số tiền cả gốc và lãi là 9.291.593.000 đồng *(Chín tỷ, hai trăm chín mốt triệu ,năm trăm chín ba đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn T L, ông Phan Q Đ.

Ông Nguyễn N C, bà Quách T H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đối với số tiền 20.000.000 triệu tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0398 ngày 11 tháng 4 năm 2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây thành phố Hà Nội ông Chính, bà Hải đã nhận lại theo phiếu chi số 196 ngày 26/3/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây theo Quyết định thi hành án số 299/2014/QĐ-THA ngày 19/3/2014.

Bà Lan, ông Đại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà Lan, ông Đại 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0006992 ngày 12/10/2020 và 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000823 ngày 10/6/2013 tại tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây.
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Mạnh Cẩm Yến